

PHỤ LỤC

Thông báo Thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Tuyến đường từ Trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch (Đợt 3)

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Quảng Trạch)

TT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Mã đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Diện tích đề nghị thu hồi		Ghi chú
							Diện tích trong phạm vi quy hoạch (m ²)	Diện tích ngoài phạm vi QH bị ảnh hưởng (m ²)	
I.	Hộ gia đình cá nhân				2775,6		2.775,6	0,0	
1	Võ Thị Kiều Giang	CNV	67	42(1)	82,7	HNK	82,7		
2	Phạm Tuấn Hưng	CNV	74	32(1)	21,8	ONT	1,7		
				32(2)		HNK	20,1		
3	Trần Văn Dương	CNV	20	83(1)	533,5	HNK	533,5		
4	Bùi Ngọc Thân	CNV	22	116(1)	80,4	HNK	80,4		
5	Hồ Sỹ Tùng	CNV	22	115(1)	187,7	HNK	187,7		
6	Nguyễn Thanh Vui	CNV	67	55(1)	200,1	HNK	200,1		
7	Trịnh Hữu Đại	CNV	67	46(1)	48,9	HNK	48,9		
8	Võ Văn Thắng	CNV	67	47(1)	50,5	HNK	50,5		
9	Bùi Văn Tạo	CNV	74	34(1)	80,0	HNK	80,0		
10	Bùi Văn Khai	CNV	74	35(1)	17,9	HNK	17,9		
11	Phạm Thị Quyên	CNV	74	39(1)	24,7	HNK	24,7		
12	Nguyễn Ngọc Si	CNV	74	42(1)	57,3	HNK	57,3		
13	Thái Xuân Nhân	CNV	74	40(1)	25,2	HNK	25,2		
14	Võ Ngọc Điệp	CNV	74	44(1)	111,1	HNK	111,1		
		CNV	74	44(2)	12,1	HNK	12,1		
15	Trần Văn Khường	CNV	20	26(3)	287,2	CLN	287,2		
16	Bùi Thị Biểu	CNV	21	68(1)	620,0	CLN	620,0		
17	Bùi Thị Diễm	CNV	74	13(5)	14,0	CLN	14,0		
18	Nguyễn Văn Tuấn	CNV	74	4(1)	193,9	HNK	193,9		
19	Võ Tin Niệm	CNV	20	3(3)	126,6	CLN	126,6		
II.	Tổ chức quản lý đất				13958,2		13.958,2	0,0	
1	UBND xã Quảng Trạch	TCQ	74	20	1990,6	DGT	1.990,6		
		TCQ	20	9(1)	6857,5	DGT	6.857,5		
		TCQ	20	44(1)	834,1	DGT	834,1		
		TCQ	23	31(1)	148,2	DGT	148,2		
		TCQ	67	8(1)	1251,3	DGT	1.251,3		
		TCQ	74	22(1)	31,7	DGT	31,7		

TT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Mã đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Diện tích đề nghị thu hồi		Ghi chú
							Diện tích trong phạm vi quy hoạch (m ²)	Diện tích ngoài phạm vi QH bị ảnh hưởng (m ²)	
1	UBND xã Quảng Trạch	TCQ	20	3(7)	131,8	DTL	131,8		
		TCQ	21	25(1)	42,5	DTL	42,5		
		TCQ	21	25(2)	128,9	DTL	128,9		
		TCQ	21	50(1)	64,0	DTL	64,0		
		TCQ	67	28	196,3	DTL	196,3		
		TCQ	74	29	1034,4	DTL	1034,4		
		TCQ	20	3(1)	791,4	NTD	791,4		
		TCQ	20	16(1)	232,7	NTD	232,7		
		TCQ	20	16(7)	34,7	NTD	34,7		
		TCQ	20	20(1)	188,1	NTD	188,1		
Tổng diện tích đề nghị thu hồi					16733,8		16.733,8	0,0	